

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ nhân dịp Tết Nguyên đán, các lễ kỷ niệm và
hỗ trợ một số nội dung phát sinh đột xuất trên địa bàn tỉnh Nghệ An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 25

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 10516/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2024 của Ủy
ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ nhân dịp Tết Nguyên đán, các lễ
kỷ niệm và hỗ trợ một số nội dung phát sinh đột xuất trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người có công, thân nhân người có công với cách mạng, đối tượng bảo
trợ xã hội, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học
đang được hưởng trợ cấp hàng tháng, hộ nghèo, nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ,
người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, đơn vị lực lượng vũ trang; gia
đình cán bộ chiến sỹ, lực lượng thường trực làm nhiệm vụ trong những ngày Tết
Nguyên đán, ở biên giới, hải đảo, vùng khó khăn, địa bàn phức tạp về an ninh
chính trị, trật tự, an toàn xã hội;

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc thực hiện rà soát các đối tượng và quyết định mức hỗ trợ đảm bảo

tính chính xác, dân chủ, công khai, minh bạch đúng quy định, không để xảy ra sai phạm, thất thoát.

2. Trường hợp cùng một đối tượng được hưởng đồng thời nhiều mức hỗ trợ thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ có giá trị cao nhất.

Điều 3: Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm (*Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

2. Hỗ trợ nhân dịp kỷ niệm Ngày Thương binh Liệt sĩ 27 tháng 7 hằng năm (*Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

3. Hỗ trợ các ngày lễ lớn, dịp kỷ niệm quan trọng và một số nội dung phát sinh đột xuất:

a) Cá nhân: Tối đa 2.000.000 đồng/người;

b) Đơn vị: Tối đa 10.000.000 đồng/đơn vị.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 25 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (đề b/c);
- Các Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL) (đề b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Hoàng Nghĩa Hiếu

Phụ lục I
Mức chi hỗ trợ nhân dịp Tết Nguyên Đán hàng năm
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Tiền mặt	Hiện vật	
A CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG						
I Cá nhân						
1	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng	Người/năm	300.000	300.000		
2	Người tham gia kháng chiến được tặng thưởng Huân, Huy chương và người trong gia đình được tặng thưởng Huân, Huy chương (huy chương gia đình) còn sống không hưởng các chế độ: Hưu trí, mất sức lao động, cán bộ đang công tác, trợ cấp ưu đãi người có công	Người/năm	300.000	300.000		
3	Người phục vụ cho người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng	Người/năm	300.000	300.000		
4	Đại diện thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp tuất người có công hàng tháng các loại: Cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, thương binh, bệnh binh, chất độc hóa học (trừ thân nhân hưởng tuất liệt sĩ)	Người/năm	300.000	300.000		
5	Cựu thanh niên xung phong hưởng trợ cấp hàng tháng và người hưởng trợ cấp hàng tháng theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương; số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 quy định về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương; số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc	Người/năm	300.000	300.000		
II Tập thể						
1	Đơn vị nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh, bệnh binh	Đơn vị/năm	10.500.000	10.000.000	500.000	Không bao gồm các đối tượng đã được tặng quà riêng của Chủ tịch nước theo quy định



TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Tiền mặt	Hiện vật	
2	Đơn vị làm công tác chính sách	Đơn vị/năm	5.500.000	5.000.000	500.000	
3	Gia đình người có công tiêu biểu hoặc có hoàn cảnh khó khăn	Gia đình/năm	2.500.000	2.000.000	500.000	Danh sách do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh
B CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ LỰC LƯỢNG VŨ TRANG						
I Tập thể						
1	Đơn vị lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn biên giới (công an, quân sự, biên phòng); tiểu đội dân quân thường trực các xã biên giới theo các Đoàn chúc Tết của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh	Tập thể/năm	12.000.000	12.000.000		Thực hiện theo Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Ban chỉ huy quân sự cấp huyện, công an cấp huyện và đồn biên phòng; các đơn vị quân đội chủ lực đóng quân trên địa bàn tỉnh; các đơn vị sẵn sàng chiến đấu trực thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	Tập thể/năm	12.000.000	12.000.000		
3	Tiểu đội dân quân thường trực	Tập thể/năm	12.000.000	12.000.000		
4	Gia đình có quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng làm nhiệm vụ ở quần đảo Trường Sa, Nhà dân DK1 và biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn và làm nhiệm vụ quốc tế giúp bạn Lào có phụ cấp đặc biệt 100%; tham gia hoạt động gìn giữ hoà bình Liên Hợp Quốc	Người/năm	500.000	500.000		Hàng năm có hướng dẫn của Cục Chính sách - Bộ Quốc phòng; Danh sách do Cục chính trị Quân chủng Hải quân, Cục Chính trị Bộ đội Biên phòng hiệp đồng cụ thể cung cấp cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nghệ An
5	Gia đình quân nhân làm nhiệm vụ ở địa bàn có phụ cấp đặc biệt 100% (Đội K Bộ đội biên phòng tỉnh)	Người/năm	500.000	500.000		
6	Gia đình dân quân thường trực (4 tiểu đội) công tác ở biên giới, vùng đặc biệt khó khăn	Gia đình/năm	500.000	500.000		
II Cá nhân						
1	Cán bộ chiến sỹ lực lượng vũ trang (quân sự, công an, biên phòng) thực hiện nhiệm vụ trực sẵn sàng chiến đấu	Người/năm	500.000	500.000		
2	Cán bộ quân đội mắc bệnh hiểm nghèo (đang công tác và nghỉ hưu) đã có Quyết định công nhận của cấp có thẩm quyền	Người/năm	500.000	500.000		Hàng năm có hướng dẫn của Cục Chính sách - Bộ Quốc phòng; Danh sách do Cục Chính trị Quân chủng Hải quân, Cục Chính trị Bộ đội Biên phòng hiệp đồng cụ thể cung cấp cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nghệ An

TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Tiền mặt	Hiện vật	
C CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TẬP THỂ, CÁ NHÂN KHÁC						
I Tập thể						
1	Hộ nghèo	Hộ gia đình/năm	150.000	150.000		
2	Địa phương thực hiện công tác an táng hài cốt liệt sỹ quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam hi sinh tại Lào	Địa phương/năm	200.000.000	200.000.000		
3	Cơ sở trợ giúp xã hội	Đơn vị/năm	5.500.000	5.000.000	500.000	
4	Cơ sở cai nghiện ma túy	Đơn vị/năm	5.500.000	5.000.000	500.000	
II Cá nhân						
1	Cá nhân đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc tỉnh quản lý	Người/năm	300.000	300.000		
2	Người cao tuổi tiêu biểu; người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Người/năm	2.500.000	2.000.000	500.000	Người cao tuổi tiêu biểu được hưởng ngoài mức quy định quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Nghệ An quy định tại Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện theo Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Người thuộc hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn	Người/năm	2.500.000	2.000.000	500.000	Danh sách do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Nhân sỹ, trí thức, văn nghệ sỹ tiêu biểu trên địa bàn tỉnh	Người/năm	2.500.000	2.000.000	500.000	Thực hiện theo Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thông báo của Ủy ban nhân dân tỉnh



Handwritten signature or mark.



Phụ lục II

Mức hỗ trợ nhân dịp kỷ niệm Ngày Thương binh liệt sỹ 27 tháng 7 hằng năm

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đối tượng	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ			Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó:		
				Tiền mặt	Hiện vật	
I CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CÁ NHÂN						
I	Người có công với cách mạng (không thuộc diện được tặng của Chủ tịch nước), từ nguồn ngân sách tỉnh cân đối qua ngân sách huyện, thành phố thị xã					
1	Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	Người/năm	300.000	300.000		
2	Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945 (tiền khởi nghĩa) đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	Người/năm	300.000	300.000		
3	Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	Người/năm	300.000	300.000		
4	Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	Người/năm	300.000	300.000		
5	Người hoạt động cách mạng, kháng chiến bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù đày đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng	Người/năm	300.000	300.000		
II CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TẬP THỂ						
1	Đơn vị nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh, bệnh binh	Đơn vị/năm	10.500.000	10.000.000	500.000	Không bao gồm các đối tượng đã được tặng quà riêng của Chủ tịch nước theo quy định
2	Đơn vị làm công tác chính sách	Đơn vị/năm	5.500.000	5.000.000	500.000	
3	Gia đình người có công tiêu biểu	Gia đình/năm	2.500.000	2.000.000	500.000	Danh sách do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp

12